**Phân tích Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ - Mẫu 11**

Cảm hứng nhân đạo là mạch nguồn xuyên suốt chiều dài của văn học dân tộc. Đặc biệt là trong giai đoạn nửa cuối thế kỉ 18- đầu thế kỉ 19, nước ta có nhiều biến động dữ dội về mặt lịch sử, nhiều cuộc khởi nghĩa nông dân nổ ra đòi lật đổ triều đình phong kiến, quyền sống, quyền hạnh phúc của con người bị đe dọa nặng nề. Cũng trong giai đoạn này, lần đầu tiên, hình ảnh người phụ nữ được đề cập đến một cách phổ biến trong tác phẩm của nhiều tác giả. Nổi bật trong số đó có “Chinh phụ ngâm” của Đặng Trần Côn và Đoàn Thị Điểm.Người chinh phụ sau buổi tiễn đưa chồng ra trận trở về, tưởng tượng cảnh chiến trường mà xót xa, lo lắng cho chồng, ái ngại cho tình cảnh của chính mình. Tâm sự ấy đã được thể hiện rất sâu sắc qua đoạn trích:

*“Dạo hiên vắng thầm gieo từng bước*
*Ngồi rèm thưa rủ thác đòi phen.”*

Hai câu mở đầu đoạn trích tái hiện hình ảnh của người chinh phụ một mình ở nhà, hết đi ra ngoài hiên lại vào trong phòng, cuốn rèm lên rồi lại rủ rèm xuống. Những động tác, cử chỉ lặp đi được lặp đi lặp lại nhiều lần như không mục đích, diễn ra theo sự chi phối của sự xáo động trong tâm hồn. Thời gian dường như trôi đi một cách nhàm chán, nặng nề, tẻ nhạt, ẩn giấu trong trạng thái tâm lí khắc khoải, bồn chồn, không biết chia sẻ cùng ai. Bước chân của người chinh phụ dường như chung một nhịp với bước chân của người cung nữ cô độc đáng thương trong “Cung oán ngâm” của Nguyễn Gia Thiều

*“Ngán trăm chiều bước lại ngẩn ngơ”.*

Bước chân ấy lại càng đối lập với bước chân nàng Kiều của Nguyễn Du: “Xăm xăm băng lối vườn khuya một mình”. Bước chân của Kiều ngập tràn hạnh phúc, yêu thương, còn bước chân của người chinh phụ nặng trĩu tâm tình, thương nhớ và xót xa. Nhìn bên ngoài, đó là cuộc sống an nhàn, thảnh thơi nhưng thực tế, người thiếu phụ đang phải sống trong cuộc sống tội nghiệp, đáng thương: chồng đi biền biệt, tuổi xuân phai tàn. Nỗi cô đơn, lẻ loi, khắc khoải nào ai có thấu?Trong tâm sự của người chinh phụ có nhắc đến chim thước, tiếng chim đó trong hoàn cảnh này vẫn im bặt khiến người chinh phụ phải lên tiếng trách móc. Lúc đầu nghĩ rằng may ra có đèn biết tâm sự của mình nhưng rồi nghĩ lại đèn có biết cũng bằng không

*“Ngoài rèm thước chẳng mách tin,*
*Trong rèm, dường đã có đèn biết chăng?*
*Đèn có biết dường bằng chẳng biết*
*Lòng thiếp riêng bi thiết mà thôi*
*Buồn rầu nói chẳng nên lời*
*Hoa đèn kia với bóng người khá thương”*

Đèn có biết vì đã thức cùng nàng trong những đêm thâu vời vợi, chứng kiến nàng trằn trọc. Ngọn đèn ấy ta đã gặp trong ca dao, nỗi thương nhớ của người con gái. Đèn chẳng biết vì ngọn đèn vô tri đâu có thể an ủi được nàng. “Chẳng” được lặp lại nhiều lần ngoài ý phủ định sự tồn tại của chim thước còn nhấn mạnh nỗi vô vọng, cô sầu của người chinh phụ. Hỏi là để kiếm tìm sự tri âm, kiếm tìm mối đồng cảm. Nhưng ngọn đèn lại không thể thấu tỏ nỗi cô đơn của nàng. Ba lần từ “chẳng” xuất hiện là 3 lần nhân vật trữ tình rơi vào sự thất vọng, tuyệt vọng, vô vọng của nỗi buồn đau, cô lẻ. Nhưng càng thất vọng, tuyệt vọng, khao khát được sẻ chia lại càng mạnh mẽ.

Người chinh phụ đành trở về, thấm thía nỗi vô vọng của mình. Bóng người là hình ảnh người thiếu phụ mà ngọn đèn hắt in lên. Hình ảnh thơ gợi về sự lụi tàn, héo úa, mòn mỏi suốt canh dài. Những hình ảnh thẩm mĩ giúp truyền tải sự lẻ loi, thao thức ngóng trông. Bóng người còn gợi đến chiếc bóng của Vũ Nương, khi xa chồng còn có bé Đản là niềm an ủi. Còn người chinh phụ thì vò võ đêm dài, không người an ủi, còn cách nào khác ngoài trò chuyện với ngọn đèn, trò chuyện với chính mình. Từ hình ảnh chiếc bóng, ta cũng hình dung ra tâm trạng Thúy Kiều khi tiễn Thúc Sinh:

*“Người về chiếc bóng năm canh*
*Kẻ đi muôn dặm một mình xa xôi”*

Thương cho đèn cũng là thương cho mình, hai đối tượng vừa khác biệt vừa đồng nhất. Do vậy, những uẩn ức trong lòng chỉ mình nàng biết, chỉ mình nàng đau. Những chữ “biết”, “bị thiết”, được láy lại đã cực tả cảm giác cô đơn. Điều đó cũng khẳng định tài của dịch giả trong sự chuyển hóa và hiện thực hóa tâm trạng nhân trữ tình qua lớp ngôn từ giàu tính biểu cảm. Những sáng tạo về hình ảnh thơ của Đoàn Thị Điểm, Đặng Trần Côn còn thể hiện niềm xót thương vô hạn, bản cáo trạng đanh thép những tội ác mà chiến tranh phi nghĩa gây ra.Nỗi sầu muộn triền miên của người chinh phụ xuyên qua cả không gian, thời gian:

*“Gà eo óc gáy sương năm trống*
*Hòe phất phơ rủ bóng bốn bên”*

Những câu thơ hướng về ngoại cảnh còn là những câu thơ diễn tả nội tâm. Đêm nghe tiếng gà eo óc là âm thanh của tâm trạng, được lắng qua tâm tư nhức nhối, bức xót của nhân vật trữ tình suốt năm canh. Ngắm nhìn bóng hòe không phải là thời gian nhàn rỗi mà đó là hình ảnh người chinh phụ đang đếm từng thời khắc trôi đi.

*“Khắc giờ đằng đẵng như niên*
*Mối sầu dằng dặc tựa miền biển xa.”*

Người chinh phụ có những cảm nghĩ về thời gian thật đặc biệt. So với nguyên tác, Đoàn Thị Điểm đã sáng tạo thêm những láy từ biểu cảm, một thời khắc đợi chờ dài tựa cả năm, mối sầu miên man tựa biển khơi được tâm lí hóa. Mối sầu hiện lên nặng trĩu, đằng đẵng, dằng dặc đến khôn nguôi, ôm trùm cả không gian. Trong trạng thái cô đơn sầu muộn, người chinh phụ gắng gượng để thoát khỏi sự cô đơn:

*“Hương gượng đốt hồn đà mê mải*
*Gương gượng soi lệ lại châu chan*
*Sắt cầm gượng gảy ngón đàn*
*Dây uyên kinh đứt phím loan ngại chùng”*

Những gắng gượng để vượt thoát sự cô đơn rốt cuộc cuộc cũng chìm vào bi kịch. Đốt hương để căn phòng thêm ấm áp, xua tan sự giá lạnh. Gượng soi gương để tìm kiếm hình ảnh khác. Tìm đến tiếng đàn để cho lòng khuây khỏa. Thế nhưng, mọi nỗ lực của người chinh phụ dường như không được như mong muốn. Khi đốt hương thì càng chìm vào nỗi sầu miên man. Soi gương lại càng thấm sâu hơn tâm trạng cô đơn. Gắng đánh đàn nhưng ngón đàn không thể vang lên, lo sợ dây đứt phím chùng- dấu hiệu không may mắn trong tình chồng vợ. Người chinh phụ xuất hiện sau khi tiễn chồng ra trận đã thấm thía cảm giác chờ đợi đến mòn mỏi và nỗi cô đơn đến héo úa tâm hồn trong tình cảnh lẻ loi. Sau trạng thái bế tắc đến cao độ, âm điệu của những câu thơ trở nên nhẹ nhõm, cảm xúc thơ tươi sáng hơn. Tứ thơ, cảm xúc thơ như vùng dậy khỏi căn phòng bé nhỏ đề hòa điệu với thế gian:

*“Lòng này gửi gió đông có tiện,*
*Nghìn vàng xin gửi đến non Yên*
*Non Yên dù chẳng tới miền,*
*Nhớ chàng thăm thẳm đường lên bằng trời*
*Trời thăm thẳm xa vời khôn thấu,*
*Nỗi nhớ chàng đau đáu nào xong.”*

Lòng này hay nghìn vàng để nói về tấm lòng tha thiết, trần quý đáng giá nghìn vàng. Điệp từ “gửi” bộc lộ sự tha thiết, khát vọng mãnh liệt của người chinh phụ những mong được sẻ chia cùng chồng. Niềm thương nỗi nhớ của người chinh phụ gửi đến núi Yên Nhiên xa xôi thuần túy mang tính ước lệ, không phải nơi người chồng đang chinh chiến mà gợi không gian xa xôi, cách trở, rợn ngợp, heo hút:

*“Hồn tử sĩ gió ù ù thổi*
*Mặt chinh phu trăng dõi dõi soi”*

Nơi mà người ra chiến trận không biết ngày trở về, để lại nơi quê nhà bao người phụ nữ đã hóa vọng phu. Cái không gian xa vời mà nỗi nhớ phải đi qua tiếp tục được khắc họa. Đó là sự xa cách vô hạn của nỗi nhớ, sự xa cách tình chồng vợ giữa chinh phu và chinh phụ khiến nỗi nhớ nhung chìm vào vô vọng. Nỗi nhớ khi thì thăm thẳm, lúc thì dàn trải được so sánh với đường lên bằng trời. Nỗi nhớ vô hạn, mênh mông, không thể đến đích, không thể đền đáp, không dễ gì đo đếm. Tác giả đã cụ thể hóa và hình tượng hóa nỗi nhớ triền miên, vô tận, choán đầy tâm trí, choáng ngợp không gian, vừa da diết, giằng xé, vừa giày vò tâm trí người chinh phụ. Trời đất thì khôn cùng, nỗi nhớ cũng khôn cùng, suy tưởng thì có hạn, người chinh phụ đành trở về để đối mặt với thực tại:

*“Cảnh buồn người thiết tha lòng,*
*Cành cây sương đượm tiếng trùng mưa phun.”*

Trở về, hướng ra ngoại cảnh nhưng tình trong cảnh ấy, cảnh trong tình này. Bằng bút pháp tả cảnh ngụ tình, thiên nhiên cũng thấm đẫm nội tâm con người. Những yếu tố ngoại cảnh soi chiếu vào nhau, cái buồn như dâng lên ở mọi phía, người chinh phụ nhỏ bé càng thêm cô độc, thiểu não.Đoạn trích đã thể hiện nhiều cung bậc cảm xúc của người chinh phụ. Trong chuỗi ngày lẻ bóng cô đơn, nàng lo cho chồng, thương cho mình, đau xót cho tình cảnh dở dang, tương lai mù mịt tăm tối. Nghệ thuật nổi bật trong bài thơ là bút pháp tả cảnh ngụ tình, điệp từ, sử dụng nhiều từ ngữ giàu giá trị biểu cảm.

Không chỉ có ý nghĩa về giá trị thẩm mĩ, tác phẩm còn thể hiện tấm lòng nhân đạo sâu sắc của tác giả khi lên tiếng tố cáo chiến tranh phi nghĩa đã hủy hoại cuộc sống hạnh phúc của con người, đề cao khát vọng về tình yêu chân chính. Cùng với “Cung oán ngâm” của Nguyễn Gia Thiều, “Tự tình” của Hồ Xuân Hương, “Chinh phụ ngâm” của Đặng Trần Côn sẽ là viên ngọc tỏa sáng mãi trong nền văn học dân tộc với đề tài về người phụ nữ.